

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT

Ngày: 28/5/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán :

Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Phan Đăng L, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, Huỳnh Văn Bảo T - Chuyên viên phòng thu hồi nợ và xử lý.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 7 năm 2013)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T

Địa chỉ: số 350/2, khu vực 13, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Vĩnh T

Địa chỉ: khu vực B, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T trình bày:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 0223.SVND/HĐTD-TPB.CT/11 ngày 29/10/2011, giữa Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh C và Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D do ông Lê Văn T làm chủ doanh nghiệp, ông T có thể chấp tài sản đảm bảo trả nợ thừa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260.643m², đất tọa lạc tại ấp Sóc Ruộng 3, xã T, (nay là xã Q) huyện C, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSD đất số AG 803254, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00819 do UBND huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T. Trong quá trình vay ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 28/8/2018 ông T còn tổng các khoản nợ Ngân hàng như sau:

Nợ gốc: 7.350.000.000 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.795.492.773 đồng

Lãi phạt: 14.634.385.738 đồng.

Ngày 23/02/2019, ông T đã thanh toán một phần dư nợ của khoản vay tổng cộng 10 tỷ đồng, Ngân hàng đã giải chấp tài sản đảm bảo cho ông T.

Ngân hàng không yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, Lê Bảo T, Lê Duyên T, Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên quan đối với khoản nợ còn lại mà chỉ yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền lãi tính đến ngày 16/11/2019 là 13.507.757.151 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0223.SVND ngày 29/10/2011. Sau khi án có hiệu lực nếu ông T không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh các tài sản khác của ông T để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Vào thời điểm vay ông là chủ doanh nghiệp tư nhân nhà máy D có vay của Ngân hàng TMCP T theo hợp đồng tín dụng số 0223.SVND/HĐTD-TPB.CT/11 ngày 29/10/2011. Đến ngày 20/02/2019 Ngân hàng có gửi cho ông thông báo về việc thanh toán khoản vay và giải chấp tài sản đảm bảo, theo đó ông đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 7.350.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 2.650.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền ông đã trả cho Ngân hàng là 10 tỷ đồng. Tài sản sau khi giải chấp ông đã bán trả nợ Ngân hàng. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng trả thêm tiền lãi 13.500.691.448 đồng với các lý do sau:

- Vào ngày 20/11/2013 ông đã bán Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D cho người thứ 3, nên ông không còn đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kể từ đó. Do đó Ngân hàng khởi kiện ông với tư cách là bị đơn là không phù hợp

- Số tiền Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán là không có cơ sở, vì tính toán không chính xác tiền lãi.

- Ngân hàng đã đồng thuận cho ông bán tài sản để thanh toán toàn bộ khoản nợ DNTN nhà máy D tại Ngân hàng số tiền 10 tỷ đồng, ông đã thực hiện xong cụ thể như sau: từ tháng 8/2018, tổ xử lý nợ Ngân hàng đã nhiều lần chủ động liên hệ với ông để bán tài sản thế chấp thanh toán nợ. Tổ xử lý nợ hướng dẫn ông làm đơn xin cứu xét về việc thanh toán dứt điểm nợ gốc và lãi của DNTN nhà máy D với số tiền 10 tỷ đồng tại Ngân hàng để hoàn tất tất cả các nghĩa vụ về tài chính đối với tất cả các bên có liên quan; tháng 02/2019, Ngân hàng có thông báo đồng ý cho ông nộp 10 tỷ đồng theo nguyện vọng trong đơn xin cứu xét. Đến tháng 4/2019, ông đã bán tài sản thế chấp và đã nộp đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng trong đó nợ gốc là 7.350.000.000 đồng, lãi 2.650.000.000 đồng, ông cho rằng các bên liên quan không ai còn nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh T trình bày:

Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260,643m², đất tọa lạc tại ấp Sóc Ruộng 3, xã Tân Quan, (nay là xã Quan Minh) huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSD đất số AG 803254, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00819 do UBND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T đứng tên sử dụng. Tại thời điểm cấp giấy ông có tên trong hộ khẩu gia đình ông T và ông cũng có công sức đóng góp trong khối tài sản nêu trên. Tuy nhiên ông T thế chấp Ngân hàng không có ý kiến của ông là không đúng quy định của pháp luật, khi Ngân hàng cho ông T giải chấp cũng không có ý kiến của ông. Do đó ông yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông T và Ngân hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn tuyên xử như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T về việc yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán số tiền lãi 13.507.757.151 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0223.SVND/HĐTD-TPB.CT/11 ngày 29/10/2011, giữa Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Cần Thơ và Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D.

Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vĩnh T về việc, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm có liên quan đến Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260,643m², đất tọa lạc tại ấp Sóc Ruộng 3, xã Tân Quan, (nay là xã Quan Minh) huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSD đất số AG 803254, số vào sổ S00819 do UBND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T đứng tên sử dụng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bà Nguyễn Thị T, Lê Bảo T, Lê Duyên T, Nguyễn Thị H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019 Ngân hàng TMCP T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; Các đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì ông Lê Văn T có đơn xin xét miễn, giảm lãi. Ông xin được thanh toán cả vốn gốc, nợ lãi tổng số tiền 10 tỷ đồng để dứt nợ với ngân hàng và được giải chấp tài sản. Ngày 29/8/2018 Ngân hàng ra thông báo đồng ý cho ông T nộp số tiền 10 tỷ đồng và giải chấp tài sản thế chấp. Đồng thời, theo biên bản hoàn trả hồ sơ tài sản đảm bảo, Ngân hàng cũng đã xác định bị đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Từ các căn cứ nêu trên cho thấy các bên đã tự nguyện thanh toán xong các khoản nợ vay bao gồm cả vốn và lãi.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện bị đơn ông Lê Văn T yêu cầu thanh toán nợ vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Giữa Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Cần Thơ và Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D do ông Lê Văn T làm chủ doanh nghiệp, có ký hợp đồng tín dụng số 0223.SVND/HĐTD-TPB.CT/11 ngày 29/10/2011.

Để bảo đảm số nợ vay ông T có thể chấp tài sản đảm bảo trả nợ thừa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260.643m², đất tọa lạc tại ấp Sóc Ruộng 3, xã Tân Quan, huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSD đất số AG 803254, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00819 do UBND huyện C, tỉnh B cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T. Tính đến ngày 28/8/2018 ông T còn tổng các khoản nợ Ngân hàng như sau:

Nợ gốc: 7.350.000.000 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.795.492.773 đồng

Lãi phạt: 14.634.385.738 đồng.

[2] Do không còn khả năng thanh toán ngày 22/8/2018 ông T làm đơn xin cứu xét miễn, giảm lãi (bút lục 392) gửi lãnh đạo Ngân hàng T, với nội dung xin được trả 7.250.000.000 đồng nợ gốc và 2.750.000.000 tiền lãi.

Ngày 29/8/2018 Ngân hàng phát hành thông báo số 010/2018/TB-TPB.CTO (bút lục 391) gửi cho Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D với nội dung đồng ý cho ông Lê Văn T – Đại diện cho DNTN D thanh toán số tiền 10.000.000.000 đồng, để giải chấp tài sản đảm bảo. Sau khi ông Lê Văn T thanh toán số tiền 10.000.000.000 đồng, TPBank sẽ giải chấp tài sản đảm bảo thừa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260.643m², đất tọa lạc tại ấp S, xã T, (Q) huyện C, tỉnh Bình Phước theo giấy

CNQSD đất số AG 803254, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00819 do UBND huyện C, tỉnh B cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T.

Ngày 22/02/2019 Ngân hàng lập biên bản hoàn trả hồ sơ tài sản bảo đảm cho ông Lê Văn T (bút lục 393) với nội dung: Do Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng (hoặc theo đề nghị của bên vay đã được Ngân hàng chấp thuận), Ngân hàng TMCP T, Chi nhánh C đã hoàn trả lại cho bên nhận các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm sau đây:

- Giấy CNQSD đất số AG 803254, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00819 do UBND huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/11/2006;

- Thông báo giải tỏa/xóa thế chấp TSDB số 01.2202.TBTS.CTO.

[3] Với các chứng cứ nêu trên đủ để chứng minh Ngân hàng đã tự nguyện xác nhận số nợ gốc và lãi của ông T sau khi được giảm lãi còn lại là 10 tỷ đồng và Ngân hàng cũng đã xác nhận bên vay “ *Đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng (hoặc theo đề nghị của bên vay đã được Ngân hàng chấp thuận), Ngân hàng TMCP T chi nhánh Cần Thơ đã hoàn trả lại cho bên nhận các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm*”. Do đó có cơ sở kết luận bị đơn đã thanh toán xong nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Các chứng cứ trên cũng được Ngân hàng thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên lại cho rằng ông T có cam kết miệng tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh T. Do tài sản thế chấp đã giải chấp trả cho ông T nên yêu cầu của ông cũng không có cơ sở, cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

Ngân hàng có yêu cầu đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã rút yêu cầu cấp sơ thẩm đã đình chỉ là đúng.

Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP T.

Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán số tiền lãi 13.507.757.151 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0223.SVND/HĐTD-TPB.CT/11 ngày 29/10/2011, giữa Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Cần Thơ và Doanh nghiệp tư nhân nhà máy D.

Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vĩnh T về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm có liên quan đến Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 00, diện tích 260.643m², đất tọa lạc tại ấp S, xã T (Q), huyện C, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSD đất số AG 803254, số vào sổ H 00819 do UBND huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/11/2006 cho hộ ông Lê Văn T đứng tên sử dụng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bà Nguyễn Thị T, Lê Bảo T, Lê Duyên T, Nguyễn Thị H.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng TMCP T phải chịu 121.507.757 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 58.862.764 đồng, theo biên lai số 0000479 ngày 11/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, Ngân hàng TMCP T còn phải nộp 62.644.993 đồng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Lê Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 002038 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn. Ông T1 đã nộp xong.

Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP T phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 010692 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, Ngân hàng TMCP T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS. Q.Ô Môn;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trí Dũng